

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2022
V/v Tranh chấp hôn nhân gia
đình về ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thúy.
2. Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 355/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 355/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bích H, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp SC A, xã PĐ, huyện C, tỉnh D; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp SC A, xã PĐ, huyện C, tỉnh D; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh N có tình cảm và tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới. Ngày 24-10-2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện C, tỉnh D, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, vợ

chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, đánh nhau, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung là: Cháu Trần Chí K, sinh ngày 09-10-2017. Hiện tại, cháu K đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu K, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị H về thời gian sống chung, thời gian kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Do tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 01 con chung là: Cháu Trần Chí K, sinh ngày 09-10-2017. Hiện tại, cháu K đang sống chung với chị H, anh đồng ý giao cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N. Giao cháu K cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị H, anh N không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Bích H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn N, địa chỉ: ấp SC A, xã PD, huyện C, tỉnh D. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị H, anh N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành

xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị H, anh N tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện C, tỉnh D. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của chị H, thấy rằng: Quá trình chung sống, giữa chị H, anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay cãi nhau, đánh nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại bản tự khai ngày 14-6-2022, anh N đồng ý ly hôn với chị H nên ghi nhận.

[2.2] Về con chung: cháu Trần Chí K, sinh ngày 09-10-2017. Anh N đồng ý giao cháu K cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên ghi nhận.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H, anh N không yêu cầu giải quyết nên cần ghi nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Bích H đối với anh Trần Văn N. Chị H được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Có 01 con chung là: Cháu Trần Chí K, sinh ngày 09-10-2017. Giao cháu K cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị H, anh N không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 (ba trăm ngàn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024441 ngày 14 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận chị H đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh D trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã PĐ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

